

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bể Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang về chủ trương đầu tư hai dự án bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 71/TTr-BQLDA ngày 15/6/2023; Báo cáo thẩm định số 1320/SGTVT-QLCL ngày 11/7/2023 và Tờ trình số 38/TTr-SGTVT ngày 12/7/2023 của Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bể Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bể Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bỉ Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang góp phần từng bước hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh nói chung và tuyến ĐT.295 nói riêng; tăng cường kết nối không gian vùng thông qua mạng lưới kết cấu đường bộ của tỉnh với mạng lưới giao thông quốc gia trong khu vực; nâng cao năng lực lưu thông cho tuyến ĐT.295, tạo thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội địa phương; góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông, bảo vệ môi trường, tăng cường thu hút đầu tư vào địa bàn và củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh khu vực.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế

4.2.1. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bỉ Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với tổng chiều dài tuyến khoảng 11,23Km; điểm đầu tại Km31+330,6 (*trùng với lý trình quản lý tại Km31+180 - đầu cầu Bến Tuần phía huyện Tân Yên; đoạn Km31+00 - Km31+180 thuộc phạm vi cầu Bến Tuần, hiện trạng đã được Sở Giao thông vận tải thực hiện sửa chữa khe co giãn và thảm tăng cường mặt đường đường đầu cầu bằng nguồn vốn bảo trì*); điểm cuối tại Km42+555,63 (*lý trình quản lý Km42+500 - cầu Bỉ Nội*). Trong đó, đoạn từ Km31+330,6 đến Km35+00 và đoạn từ Km37+00 đến Km42+555,63 đầu tư theo tiêu chuẩn cấp III đồng bằng với chiều rộng nền đường $B_n=12m$, chiều rộng mặt đường $B_m=11m$ (*bao gồm cả lề gia cố hai bên $2 \times 2,0m=4,0m$*), chiều rộng lề đất $B_l=2 \times 0,5m=1,0m$; đoạn từ Km35+00 đến Km35+457 thực hiện tăng cường và mở rộng vượt nổi đảm bảo chiều rộng mặt đường 11m phù hợp với hiện trạng và quy mô toàn tuyến; đoạn từ Km37+00 đến Km37+445,52 mặt đường đã đủ đảm bảo chiều rộng tối thiểu 11m theo quy mô cấp III đồng bằng nên chỉ thực hiện thảm tăng cường mặt đường cũ; đoạn đi qua trung tâm thị trấn Cao Thượng giữ nguyên quy mô mặt đường hiện trạng, thực hiện thảm bê tông nhựa tăng cường trên mặt đường cũ để cải thiện điều kiện xe chạy. Các đoạn chạy qua khu vực đông dân cư đầu tư rãnh dọc, bó vỉa. Mặt đường và lề đường gia cố áp dụng loại kết cấu mặt đường mềm cấp cao A1 (*mặt bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm theo TCCS 38-2022/TCĐBVN*). Trên tuyến xây dựng công trình cầu Xi tại Km40+610 để thay thế cầu cũ với chiều rộng mặt cắt ngang cầu $B_c=12m$, chiều dài cầu khoảng $L_c=34,1m$, áp dụng kết cấu cầu BTCT và BTCT DUL, tải trọng thiết kế HL93, đoàn người $3 \times 10^{-3}Mpa$.

- Nội dung đầu tư dự án gồm các hạng mục: Nền, mặt đường; hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang; công trình cầu và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến.

4.2.2. Giải pháp thiết kế

a. *Thiết kế bình đồ*: Bình đồ tuyến được thiết kế trên cơ sở bám theo tuyến cũ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cấp đường; châm chước tiêu chuẩn kỹ thuật

một số vị trí cục bộ nhằm giảm thiểu công tác GPMB và tận dụng tối đa mặt đường cũ, giảm thiểu khối lượng bù vênh mặt đường cũ. Điểm đầu tại Km31+330,6 (*đầu cầu Bến Tuần phía huyện Tân Yên*), điểm cuối tại Km42+555,63 (*cầu Bỉ Nội*); tổng chiều dài thiết kế khoảng 11,23Km.

b. Thiết kế trắc dọc: Thiết kế phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy trình quy phạm hiện hành, kết hợp hài hoà với các yếu tố bình diện, đảm bảo êm thuận; giảm thiểu khối lượng chiếm dụng, khối lượng đào đắp nền đường. Cao độ thiết kế tuyến bằng cao độ mặt đường cũ cộng với lớp kết cấu áo đường tăng cường và lớp bù vênh để đảm bảo tận dụng tối đa kết cấu mặt đường cũ. Các điểm khống chế cao độ gồm: Cao độ điểm khớp nối ở đầu tuyến, cuối tuyến, nút giao với đường QL.17, ĐT.298, cao độ thiết kế công trình cầu và đảm bảo phù hợp với cao độ hiện trạng hai bên tuyến.

c. Thiết kế trắc ngang: Thiết kế mặt cắt ngang theo quy mô đường cấp III đồng bằng (TCVN4054 - 2005); chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}=12,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=2 \times 3,5=7,0\text{m}$; chiều rộng lề đường gia cố $B_{\text{lề}}=2 \times 2,0\text{m}=4,0\text{m}$ (*với kết cấu như mặt đường*); chiều rộng lề đất $B_{\text{lđ}}=2 \times 0,5=1,0\text{m}$. Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$, dốc ngang lề đất $i=6\%$; mái taluy nền đắp 1/1,5, nền đào 1/1,0.

Đối với những đoạn qua khu đông dân cư: Đầu tư bố vỉa, rãnh dọc chịu lực tiếp giáp mép mặt đường.

Đối với đoạn qua thị trấn Cao Thượng: Giữ nguyên quy mô mặt cắt ngang hiện trạng (*không thực hiện đầu tư mở rộng theo mặt cắt ngang quy hoạch*).

d. Thiết kế nền đường: Tận dụng tối đa nền mặt đường hiện trạng, phần nền đường cạp mở rộng và làm mới được đắp bằng vật liệu đất cấp phối đôi và tận dụng đất đào nền đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đối với nền đường đắp: Trước khi đắp nền thực hiện đánh cạp, đào bỏ lớp đất không thích hợp sau đó đắp thay thế bằng đất cấp phối lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$, riêng lớp đất đắp dày 50cm sát kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt $K \geq 98\%$. Đối với nền đường đào: Xáo xới lu lèn hoặc đào thay đất (*nếu đất nền không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật*) đảm bảo lớp đất nền dày 50cm dưới kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98\%$. Taluy đào đất 1/1, taluy đắp 1/1,5.

e. Thiết kế mặt đường, lề gia cố: Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1 (TCCS 38:2022/TCĐBVN), cụ thể:

- Kết cấu áp dụng cho phần làm mới và cạp mở rộng: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

- Kết cấu mặt đường tăng cường trên mặt đường cũ đoạn thuộc thị trấn Cao Thượng (Km35+457,17 - Km42+555,63): Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; bù vênh bằng bê tông nhựa C12,5; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m².

- Kết cấu mặt đường tăng cường trên mặt đường cũ đoạn ngoài thị trấn Cao Thượng: Trên cơ sở cường độ mặt đường hiện trạng và chiều dày bù vênh trên từng đoạn thiết kế kết cấu tăng cường trên mặt đường cũ cụ thể như sau:

+ Kết cấu loại I: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; bù vênh bằng lớp bê tông nhựa C19; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m².

+ Kết cấu loại II: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I.

- Kết cấu mặt đường giao dân sinh (*đối với đường hiện trạng là đường BTXM, BTN*): Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; bù vênh bằng bê tông nhựa C19; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²;

- Kết cấu mặt đường giao dân sinh (*đối với đường hiện trạng là đường cấp phối, đường đất*): Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I.

Đối với những vị trí nền đường bị hư hỏng nặng (*cao su, trôi lún*) thiết kế kết cấu mặt đường như mặt đường làm mới.

g. Thiết kế hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc: Tại các vị trí nền đường đào, đắp thấp thiết kế rãnh dọc hình thang (0,4x0,4x0,4)m. Tại các đoạn qua khu đông dân cư thiết kế rãnh dọc chịu lực B=0,6m, thân rãnh xây gạch bê tông không nung, móng rãnh bằng bê tông M150 dày 15cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; tấm đan chịu lực bằng BTCT M250; bố trí các hố lắng với khoảng cách trung bình khoảng 50m/hố với kết cấu như thân rãnh.

- Thoát nước ngang: Thiết kế nối dài các cống hiện trạng đảm bảo phù hợp với bề rộng nền đường sau khi mở rộng, khẩu độ theo khẩu độ cống hiện trạng. Làm mới, thay thế đối với các cống cũ bị hư hỏng, không đủ khẩu độ, kết cấu như sau: Cống tròn sử dụng ống cống BTCT lắp ghép D100 và D150 cm; móng cống BTCT đúc sẵn; tường đầu, tường cánh, hố thu bằng BTXM đổ tại chỗ; cống hộp sử dụng loại lắp ghép, kích thước BxH=1,0x1,0m và BxH=1,5x1,5m trên lớp móng bê tông và đệm đá dăm; tường đầu, tường cánh, hố thu bằng BTXM đổ tại chỗ.

h. *Thiết kế nút giao, đường giao*: Các vị trí nút giao thiết kế dạng giao cùng mức, tự điều khiển; bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông (*son vạch kẻ đường chỉ hướng, biển báo...*). Các đường giao dân sinh được vượt nổi êm thuận đảm bảo giao thông đi lại thuận lợi.

i. *An toàn giao thông*: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; biển báo được bố trí tại các điểm giao cắt, biển được làm bằng tôn có phản quang, cột biển báo làm bằng thép tròn; sơn vạch phản quang, tôn hộ lan.

k. *Thiết kế cầu Xi*:

Thiết kế làm mới cầu Xi thay thế cầu cũ; thiết kế cầu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DUỖ tải trọng thiết kế HL93, chiều rộng cầu Bc=0,5+11+0,5= 12,0m; chiều dài toàn cầu L=34,1m; sơ đồ nhịp: 1x24,0m.

- Kết cấu phần trên: Mặt cắt ngang cầu bố trí 12 phiến dầm bản dài 24m bằng BTCT DƯỠNG 40Mpa có chiều cao 0,95m; khoảng cách giữa các dầm $a = 1,0\text{m}$; bản mặt cầu BTCT 30Mpa dày tối thiểu 15cm, lớp phòng nước dạng phun, lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; thoát nước mặt cầu sử dụng ống gang đúc D150; dốc ngang mặt cầu 2%.

- Kết cấu phần dưới: Mố cầu dạng chữ U bằng BTCT 30Mpa đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D = 1,0\text{m}$, chiều dài dự kiến $L = 20,0\text{m}$; sau mố đặt bản quá độ BTCT 25Mpa đổ tại chỗ.

- Kết cấu khác: Gờ chắn lan can BTCT 25Mpa đổ tại chỗ, lan can bằng thép mạ kẽm, khe co giãn dạng răng lược; gối cầu sử dụng gối cao su bản thép; tứ nón được gia cố bằng bê tông lưới thép 16Mpa dày 12cm trên lớp vữa đệm 8Mpa dày 3cm, phía dưới có chân khay bê tông 16Mpa.

1. Các nội dung chi tiết khác: Theo Hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng:

Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Tân An Phát.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 15,65ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Thời hạn thiết kế 10 năm đối với mặt đường BTN; tuổi thọ thiết kế 100 năm đối với công trình cầu (TCVN 11823-1:2017).

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31 : 2020/TCĐBVN;

- Tiêu chuẩn cơ sở khảo sát thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu TCCS 41:2022/TCĐBVN;

- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN;

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005;

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016;

- Tiêu chuẩn thiết kế cống TCVN 9113:2012; 9116:2012;

- Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;

- Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;

- Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu TCVN 13567-1:2022 – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình chiếu sáng QCVN 07-7/2016/BXD.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;

- Một số các tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 175.300.000.000 tỷ đồng (Một trăm bảy mươi lăm tỷ, ba trăm triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	142.552.689.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.251.037.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	8.179.572.000 đồng;
- Chi phí khác:	2.546.146.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	19.770.556.000 đồng.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2026.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 1320/SGTVT-QLCL ngày 11/7/2023 của Sở Giao thông vận tải và Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

Điều 2. Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

UBND huyện Tân Yên có trách nhiệm tổ chức thực hiện GPMB theo cam kết (tại Công văn số 426/UBND-KTHT ngày 10/3/2023), bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư đảm bảo tiến độ; đồng thời tổ chức giải tỏa hành lang, bố trí nguồn kinh phí thực hiện chỉnh trang đô thị khu vực hai bên tuyến đường để nâng cao hiệu quả đầu tư của dự án.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tân Yên; Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTTH, KTN;
- Lưu: VT, KTN_{Hiếu}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích